

Bản án số: 10/2021/DS-ST

Ngày: 23- 9-2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Hưng;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Dũng; ông Trương Sơn Lạng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thủy Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2021/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2021 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Quỳnh Hương;

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; có đơn vắng mặt;

Bị đơn: chị Nguyễn Thị Thanh H;

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; có mặt;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Trịnh Đình Kiên;

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; có mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Nguyễn Quỳnh H trình bày:*

Ngày 04/02/2021, chị Nguyễn Thị Thanh H vay chị Nguyễn Quỳnh H số tiền 3.900.000 đồng. Đến ngày 23/3/2021 âm lịch chị Hương vay thêm 30.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng, tiền lãi tháng nào trả tháng đó. Cùng ngày 23/3/2021, chị Hương vay thêm 2.700.000 đồng. Khi vay những khoản vay trên, chị Thanh H nói với chị Quỳnh H là vay để lo công việc gia đình. Từ khi vay đến nay, chị Quỳnh H đã nhiều lần đòi nợ nhưng Thanh H, anh K vẫn chưa trả được khoản nợ nào và hiện nay chị Thanh H và anh K đã ly hôn.

Nay chị Quỳnh H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Trịnh Đình K phải liên đới trả 03 khoản vay trên, gồm: 3.900.000 đồng + 2.700.000 đồng + 30.000.000 đồng = 36.600.000 đồng.

Ngoài ra, còn phải trả lãi của khoản vay 30.000.000đ x 1,5%/tháng x thời gian từ khi vay đến khi thanh toán.

*Chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:*

Chị Thanh H thừa nhận chữ ký, họ tên của chị dưới các khoản vay trên trong 02 tờ giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp. Tuy nhiên, đối với 02 khoản 3.900.000 và 2.700.000 đồng là các khoản tiền lãi hai bên đã chốt lại của các khoản vay trước đó chứ không phải là tiền gốc. Riêng khoản tiền 30.000.000 đồng đúng là tiền gốc nhưng đây là khoản tiền chị Hương viết gộp các khoản vay trước đó thành một khoản ngày 23/3/2021 âm lịch. Lúc vay tiền, chị Thanh H không bàn bạc với anh Kiên. Tuy nhiên, số tiền vay trên, chị Thanh H có đưa lại cho anh K sử dụng chung vào việc làm ăn của hai vợ chồng, anh K có hỏi thì chị Thanh H chỉ nói tiền đi vay, không nói vay của ai. Tại phiên tòa, chị Thanh H khai lại là chị Thanh H không đưa tiền vay của chị Quỳnh H cho anh K sử dụng.

Nay chị Thanh H xin chị Quỳnh H bỏ các khoản tiền lãi và chỉ chấp nhận trả gốc 30.000.000 đồng.

*Anh Trịnh Đình K trình bày:*

Anh K không biết chị Thanh H vay tiền của chị Quỳnh Hương; chỉ sau này, khi nhiều lần chị Quỳnh H đến nhà đòi nợ thì anh K mới biết chị Thanh H vay chị Quỳnh H 30.000.000 đồng; trước đó, chị Thanh H có đưa cho anh K một số tiền để làm ăn nhưng không nói rõ vay tiền của ai, thời điểm nào nên nay anh cũng không xác định được là số tiền vay của chị Quỳnh Hương, chị Thanh H có đưa cho anh K sử dụng hay không. Nay chị Quỳnh H khởi kiện thì anh K sẽ nhận trách nhiệm trả nợ thay chị Thanh H nhưng chỉ trả 30.000.000 đồng tiền gốc còn các khoản tiền lãi, anh K đề nghị chị Quỳnh H xóa nợ cho anh chị.

Tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án dân sự theo hướng:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 469 BLDS 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 để quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Quỳnh H yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trịnh Đình K cùng liên đới trả tiền gốc 36.600.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1.5% của số tiền 30.000.000 đồng từ ngày 4/5/2021 đến khi xét xử xong vụ án. Buộc chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trịnh Đình K cùng liên đới có nghĩa vụ trả nợ số tiền **38.730.000 đồng (trong đó: 36.600.000 đồng tiền gốc, lãi suất 2.130.000 đồng)** cho Chị Nguyễn Quỳnh Hương.

2. Do chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Trịnh Đình K đã ly hôn nhưng hai bên không thỏa thuận được về trách nhiệm trả nợ nên buộc chị Nguyễn Thị Thanh H và

anh Trịnh Đình K mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  trách nhiệm đối với số tiền nợ: 38.730.000 đồng/2= **19.365.000 đồng**.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền (19.365.000x 5%)= 968.000 đồng.

- Anh Trịnh Đình K mặc dù không phải bị đơn trong vụ án, nhưng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được xác định có nghĩa vụ trả nợ cũng phải chịu án phí tương ứng phần trách nhiệm của mình tương ứng với số tiền (19.365.000x 5%)= 968.000 đồng

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả nợ vay nên xác định tranh chấp giữa các bên phát sinh từ quan hệ vay tài sản được điều chỉnh bởi Bộ luật dân sự hiện hành. Theo nơi cư trú của bị đơn, Tòa án nhân dân huyện Lắc có thẩm quyền giải quyết theo khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Thanh H đều thừa nhận còn nợ các khoản tiền thể hiện bằng hai “Giấy vay tiền” do chị Nguyễn Quỳnh H cung cấp; chữ ký, họ tên dưới mục người vay của cả ba khoản tiền đều là của chị Nguyễn Thị Thanh H viết ra.

Đối với khoản tiền 3.900.000 đồng ngày 04/02/2021, trong “Giấy vay tiền” có ghi thời hạn trả là tháng 02/2021 âm lịch nhưng không thể hiện lãi, lãi suất. Về ý kiến của chị Thanh H cho rằng đây là khoản tiền lãi chưa trả của các lần vay tiền trước đó nhưng chị Thanh H không đưa ra được chứng cứ chứng minh; chị Quỳnh H không thừa nhận đây là khoản tiền lãi nên theo nội dung xác nhận trong “giấy vay tiền” ngày 04/02/2021 thì Tòa án xác định đây là khoản tiền vay có kỳ hạn, không có lãi theo quy định tại Điều 463, Điều 470 của Bộ Luật dân sự. Theo quy định tại Điều 470 của Bộ luật dân sự thì lẽ ra chị Thanh H phải trả khoản nợ này đúng hạn trong tháng 02/2021 âm lịch, đến nay chị Thanh H vẫn chưa trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận trong “Giấy vay tiền”; do đó, cần buộc chị Thanh H phải trả cho chị Quỳnh H khoản vay này. Về lãi chậm trả, do chị Quỳnh H không yêu cầu nên Tòa án không xét.

Đối với khoản tiền 2.700.000 đồng ngày 23/3/2021 cũng tương tự như khoản vay 3.900.000 đồng, chị Thanh H không có chứng cứ chứng minh đây là khoản tiền lãi của những khoản tiền vay trước đó. Căn cứ vào nội dung “Giấy vay tiền” có xác nhận của chị Thanh H ngày 23/3/2021 thì đây là khoản vay không lãi, không thời hạn theo quy định Điều 463, khoản 1 Điều 469. Chị Nguyễn Quỳnh H đã đòi nợ nhiều lần, chị Thanh H cũng thừa nhận sự đòi nợ nên đến nay được xem là thỏa mãn điều kiện bên cho vay phải báo trước một thời gian hợp lý khi bên cho vay thực hiện quyền đòi lại tài sản. Do đó cần buộc chị Nguyễn Thị Thanh H phải trả cho chị Nguyễn Quỳnh H số tiền đã vay là 2.700.000 đồng. Về lãi chậm trả, do chị Quỳnh H không yêu cầu nên Tòa án không xét.

Đối với khoản tiền 30.000.000 đồng, các bên đều thừa nhận nội dung theo “Giấy vay tiền” ngày 23/3/2021; theo đó, khoản vay này là khoản vay không kỳ hạn, có lãi

theo quy định tại Điều 463 và khoản 2 Điều 469 của Bộ Luật dân sự. Về thời hạn báo trước khi bên cho vay thực hiện quyền đòi lại tài sản: tuy không có văn bản thể hiện thời gian báo trước khi chị Nguyễn Quỳnh H đòi chị Nguyễn Thị Thanh H khoản nợ này nhưng chị Nguyễn Quỳnh H đã đòi nợ nhiều lần, chị Thanh H cũng đã thừa nhận sự đòi nợ và chính anh K cũng xác nhận việc chị Quỳnh H đến nhà anh Kiên, chị Thanh H đòi nợ nhiều lần nên đến nay được xem là thỏa mãn điều kiện bên cho vay đã báo trước một thời gian hợp lý khi bên cho vay thực hiện quyền đòi lại tài sản. Do đó, cần buộc chị Nguyễn Thị Thanh H phải trả chị Nguyễn Quỳnh H 30.000.000 đồng.

Về tiền lãi của khoản vay 30.000.000 đồng, theo chị Nguyễn Thị Thanh H thì chị Hương đã trả được lãi cho chị Nguyễn Quỳnh H nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh đã trả được bao nhiêu tiền lãi, lãi đến khi nào; bên cho vay không thừa nhận đã trả lãi nên Tòa án xác định không có tình tiết bên vay đã trả lãi. Về lãi suất, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 thì các bên chỉ được thỏa thuận lãi suất 20% năm trở xuống. Mức lãi suất các bên thỏa thuận 3% tháng, tức là 36% năm, phần lãi suất vượt quá lãi suất giới hạn là 16% năm sẽ bị vô hiệu; lẽ ra cần chấp nhận mức lãi suất cho phép là 20% năm để tính lãi của khoản vay này nhưng do chị Nguyễn Quỳnh H tự nguyện chỉ yêu cầu mức lãi 15% năm là mức lãi suất thấp hơn lãi suất giới hạn 20% năm nên cần chấp nhận. Theo đó, tiền lãi của khoản vay này là  $30.000.000 \times 1,5\%$  tháng : 30 ngày  $\times$  thời gian từ 04/5/2021 đến ngày xét xử (đến ngày 23/9/2021 là 142 ngày) = 2.130.000 đồng.

Do đó, Tòa án xác định: tính đến ngày xét xử, chị Nguyễn Thị Thanh H phải trả chị Nguyễn Quỳnh H các khoản tiền gồm:  $3.900.000 + 2.700.000 + 30.000.000 + 2.130.000 = 38.730.000$  đồng.

Về lãi trong quá trình thi hành án, bên cho vay yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật; thực chất đây là lãi chậm trả nên theo quy định tại Điều 13 của nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP thì khoản vay 3.900.000 và khoản vay 2.700.000 đồng là các khoản vay không lãi nên kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, các khoản vay này được tính lãi theo quy định của khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự (hiện tại là 10% năm). Riêng đối với khoản vay 30.000.000 đồng được tiếp tục tính lãi bằng 150% mức lãi suất trong hợp đồng được chấp nhận là 20% năm (thỏa thuận là 3% tháng tức là 46% năm).

Về trách nhiệm liên đới của anh Trịnh Đình K:

Tại các thời điểm vay tiền, chị Thanh H và Anh K là vợ chồng; đến 08/7/2021 thì ly hôn theo Quyết định số: 23/2021/QĐST-VHNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Lắc nhưng không phân chia tài sản chung vợ chồng. Tuy khi vay, không có chữ ký của anh K nhưng đây là nghĩa vụ phát sinh từ việc chị Nguyễn Thị Thanh H vay tiền của chị Nguyễn Quỳnh H trong thời kỳ hôn nhân; hơn nữa, chị Thanh H chi tiêu cho những nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên anh K phải có trách nhiệm liên đới trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Hiện nay anh chị đã ly hôn, tự phân chia tài sản; do đó cần phân chia trách nhiệm liên đới theo hướng mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  nghĩa vụ trả nợ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nguyên đơn không phải chịu án phí. Chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Trịnh Đình K phải chịu  $\frac{1}{2}$  số

tiền án phí có giá ngạch tương ứng với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là:  
 $38.700.000 \text{ đồng} \times 5\% : 2 = 968.000 \text{ đồng}$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 184, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, khoản 4 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 469, 470 của Bộ luật dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Trịnh Đình K liên đới theo tỷ lệ  $\frac{1}{2}$  để trả nợ cho chị Nguyễn Quỳnh H số tiền 38.730.000 đồng, trong đó tiền vay là 36.600.000 đồng tiền lãi là 2.130.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày 23/9/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu các khoản lãi của số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi như sau:

Khoản vay 3.900.000 đồng và khoản vay 2.700.000 đồng phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; khoản vay 30.000.000 đồng phải chịu lãi theo mức lãi suất là 30%/năm.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Trịnh Đình K mỗi người phải chịu 968.000 đồng.

Chị Nguyễn Quỳnh Hương không phải chịu án phí và được hoàn trả lại 929.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001550 ngày 09/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 23/9/2021; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND H. Lắc;
- Chi cục THA DS H. Lắc;
- TAND tỉnh (P. GĐKT);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**Bùi Văn Hưng**